

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2024

**Dự thảo**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động chính sách trong dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 8.695 hộ nghèo với 17.333 nhân khẩu, tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có 17.333 người thuộc hộ nghèo, trong đó có 8.797 người là thành viên thuộc 5.981 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động. Những người này thuộc các đối tượng sau (có trường hợp 01 người thuộc nhiều đối tượng):

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 2.519 người.

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sau đây viết tắt là Nghị định 134/2016/NĐ-CP): 819 người.

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ

Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH): 12 người.

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2016/TT-BYT): 914 người.

đ) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định): 1.391 người.

e) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn: 4.688 người, cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật;

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định, là người cao tuổi theo quy định của pháp luật);

- Các thành viên khác trong hộ gia đình đều thuộc một trong các trường hợp sau: người cao tuổi; trẻ em; người đang đi học dưới 22 tuổi; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên.

\* Trong số 8.797 người có 5.331 người đang hưởng trợ cấp hàng tháng, gồm: 5.279 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, 29 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, 23 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công.

Các đối tượng nêu trên hoàn cảnh gia đình và bản thân khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản: không có BHYT; không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi.

Tại điểm 2.2 khoản 2 phần II Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đề ra chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 “...*trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo*...”; Kế hoạch số 195/KH-TU ngày 29/01/2024 của Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã đặt ra chỉ tiêu “...có chính sách hỗ trợ và dần nâng mức về trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo”.

Theo mục tiêu của tỉnh tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 là “phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới” thì đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm còn 0,43% (tương ứng khoảng gần 3.000 hộ nghèo). Tuy nhiên, trong số hộ nghèo hiện nay thì chiếm hơn 60% là hộ nghèo không có khả năng lao động, rất khó thoát nghèo. Với những chính sách hỗ trợ người nghèo hiện hành thì dự báo tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 sẽ còn khoảng 1,15% (khoảng gần 8.000 hộ nghèo), những hộ nghèo còn lại chưa thoát nghèo đa số là những hộ không có khả năng lao động, do vậy khó đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết nhằm nâng cao thu nhập, giảm bớt khó khăn, giúp thoát nghèo và không tái nghèo sau khi thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đề ra.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **a) Mục tiêu tổng thể**

Thực hiện hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách hộ nghèo đã

được cơ quan có thẩm quyền công nhận và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo đã thoát nghèo nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, thể hiện sự quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội, quan tâm người nghèo không có khả năng thoát nghèo, thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững và giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo có điều kiện thoát nghèo và không tái nghèo, giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh nhằm đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

#### b) Mục tiêu cụ thể

Quy định phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thực hiện hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách hộ nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT đối với các đối tượng quy định tại chính sách này sau khi được công nhận thoát nghèo.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tên gọi của chính sách: Quy định về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

### 1. Xác định vấn đề

Trong những năm qua, tỉnh Hải Dương đã ban hành một số chính sách hỗ trợ có liên quan trực tiếp đến người thuộc hộ nghèo như: Nghị quyết quy định nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong đó có người nghèo; quy định chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng đối với một số người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo; ưu tiên tiếp nhận đối tượng người khuyết tật nặng trở lên thuộc hộ nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế, hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách của Trung ương hỗ trợ đối với hộ nghèo như: Hỗ trợ tiền điện; miễn, giảm học phí, chi phí học tập; hỗ trợ pháp lý; vay vốn tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo... Nhờ được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, tỉnh Hải Dương đã thông qua các chính sách ban hành cũng như sự tích cực thực hiện của các ngành, địa phương, cộng đồng, người dân, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả tốt, từ đó tác động trực tiếp đến đời sống người thuộc hộ nghèo, giúp họ tiếp cận được các chính sách trợ giúp của nhà nước, vươn lên thoát nghèo. Kết quả tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đầu giai đoạn năm 2021 từ 2,15% (13.823 hộ) giảm xuống còn 1,34% (8.695 hộ) năm 2023, giảm 38%. Tuy nhiên,

tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao, trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ cao và khó có khả năng thoát nghèo.

Tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có 8.797 người là thành viên thuộc 5.981 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động, khó có khả năng thoát nghèo. Những người này thuộc các đối tượng nêu tại Mục 1 Báo cáo này là những người có hoàn cảnh gia đình và bản thân rất khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản: không có BHYT; không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi.

Theo mục tiêu của tỉnh tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 là “phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới” thì đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm còn 0,43% (tương ứng khoảng gần 3.000 hộ nghèo). Tuy nhiên, trong số hộ nghèo hiện nay thì chiếm hơn 60% là hộ nghèo không có khả năng lao động, rất khó thoát nghèo. Với những chính sách hỗ trợ người nghèo hiện hành thì dự báo tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 sẽ còn khoảng 1,15% (khoảng gần 8.000 hộ nghèo), những hộ nghèo còn lại chưa thoát nghèo đa số là những hộ không có khả năng lao động, do vậy khó đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết nhằm nâng cao thu nhập, giảm bớt khó khăn, giúp thoát nghèo và không tái nghèo sau khi thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đề ra.

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Trên cơ sở các quy định tại điểm e Khoản 5 Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; biện pháp xóa đói, giảm nghèo*”; điểm 2.2 khoản 2 phần II Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về

tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đề ra chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 “...trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo...”; Kế hoạch số 195/KH-TU ngày 29/01/2024 của Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và kết quả khảo sát đối tượng là thành viên hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, cần quy định về việc hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo và tiếp tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, đồng thời hỗ trợ thêm BHYT cho các đối tượng sau khi hộ thoát nghèo làm cơ sở thực hiện tốt hơn công tác an sinh xã hội, tiếp tục quan tâm đến các đối tượng yếu thế, góp phần nâng cao tỷ lệ người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh.

### **3. Giải pháp**

Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

#### **3.1. Hỗ trợ thu nhập hàng tháng**

##### **3.1.1. Đối tượng**

##### **3.1.1.1. Đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:**

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi,

bổ sung;

đ) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định);

e) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con những đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình đều thuộc một trong các trường hợp sau: người cao tuổi; trẻ em; người đang đi học dưới 22 tuổi; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên.

3.1.1.2. Là đối tượng nêu tại tiết 3.1.1.1 điểm 3.1.1 khoản 3.1 Mục 3 Phần II Báo cáo này sau khi được công nhận thoát nghèo.

### 3.1.2. Mức hỗ trợ hàng tháng

Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng quy định tại tiết 3.1.1.1, tiết 3.1.1.2 điểm 3.1.1 khoản 3.1 Mục 3 Phần II Báo cáo này bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, trong đó:

a) Đối tượng được hưởng 100% mức hỗ trợ hàng tháng: Trường hợp không thuộc các đối tượng: đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đang hưởng trợ cấp bảo

hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội; đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ.

b) Đối tượng được hỗ trợ thêm hàng tháng: Trường hợp thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hỗ trợ thêm hàng tháng phân chênh lệch giữa mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ với mức trợ cấp hàng tháng đang hưởng.”

### 3.2. Hỗ trợ bảo hiểm y tế

#### 3.2.1. Đối tượng

Đối tượng quy định tại tiết 3.1.1.2 điểm 3.1.1 khoản 3.1 Mục 3 Phần II Báo cáo này.

#### 3.2.2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% mức đóng BHYT hàng tháng theo quy định.

Trường hợp đối tượng tại tiết 3.1.1.2 điểm 3.1.1 khoản 3.1 Mục 3 Phần II Báo cáo này thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế có quyền lợi cao nhất.

### 3.3. Hồ sơ, trình tự thực hiện

#### 3.3.1. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng

##### a) Hồ sơ đề nghị

- Đơn đề nghị của đối tượng hoặc người giám hộ (Mẫu số 01);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;
- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.



b) Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng.

c) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến.

d) Thời gian chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

### 3.3.2. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

a) Hồ sơ đề nghị

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này do Ủy ban nhân dân cấp xã lập;

- Văn bản của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Trình tự thực hiện

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này và có văn bản đề nghị Phòng Lao động Thương binh và xã hội cấp huyện.

- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định danh sách đối tượng được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện chuyên thẻ bảo hiểm y tế cho Ủy ban nhân dân cấp xã đề cấp cho đối tượng;

- Định kỳ hàng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

#### **4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để các địa phương thực hiện chính sách. Việc ban hành chính sách phù hợp với quy định tại điểm e Khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và không có quy định trái với các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tác động đối với kinh tế - xã hội: Thể hiện tính nhân văn, chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước trong việc bảo đảm an sinh xã hội; tạo sự đồng thuận, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân trên địa bàn tỉnh nói chung, kịp thời hỗ trợ, động viên người cao tuổi, người khuyết tật,... có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời việc hỗ trợ BHYT cho người nghèo sau khi thoát nghèo giúp cho tăng tỷ lệ người dân tham gia BHYT theo định hướng phát triển y tế toàn dân của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chính sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đề ra.

- Tác động đối với hộ nghèo sau khi được hỗ trợ và thành hộ thoát nghèo:

+ Đối với chính sách ưu đãi tín dụng: Hộ thoát nghèo hoặc cận nghèo tối đa trong vòng 3 năm thuộc đối tượng vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 01/10/2002 của Chính phủ các văn bản hướng dẫn có liên quan đến chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; trường hợp thoát nghèo và xác định thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình thì các thành viên thuộc hộ đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề thuộc đối tượng của Chương trình cho vay ưu đãi học sinh, sinh viên.

+ Đối với chính sách miễn, giảm học phí: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật sẽ tiếp tục được miễn, giảm học phí theo quy định, trường hợp hộ cận nghèo sẽ được giảm 50% học phí; hiện nay trẻ mầm non 5 tuổi và học sinh tiểu học trường công lập được miễn hoặc không phải đóng học phí; học sinh trung học cơ sở được miễn học phí từ năm học 2025-2026; người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp được miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định có liên quan.

+ Đối với mức hưởng bảo hiểm y tế: Thành viên thuộc hộ gia đình nếu được hỗ trợ mức đóng BHYT quy định tại chính sách được hưởng 80% chi phí khám chữa bệnh (giảm 20% so với hộ nghèo), trường hợp từ hộ nghèo xuống thành hộ cận nghèo được hưởng 95% chi phí khám chữa bệnh (giảm 5% so với hộ nghèo). Riêng trường hợp đã đóng BHYT 5 năm liên tục thì chi phí khám chữa bệnh trong 1 năm tối đa là 6 tháng lương cơ sở.

+ Đối với chính sách hỗ trợ tiền điện: Trường hợp hộ thoát nghèo không tiếp tục được hỗ trợ tiền điện 55.400 đồng/hộ/tháng, tuy nhiên nếu hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng sẽ tiếp tục nhận được mức hỗ trợ tiền điện nêu trên nếu đảm bảo tiêu chí (có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 KWh ở vùng có điện lưới) theo quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện, Thông tư số 190/2014/TT-BCT ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 17/10/2020 của UBND tỉnh Hải Dương. Hộ thoát nghèo không thuộc đối tượng được tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.

Tổng hợp ý kiến tham gia, góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của 729 cá nhân là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, kết quả 100% đều nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách khi ban hành sẽ phát sinh thêm thủ tục hành chính là trình tự, thủ tục hỗ trợ thu nhập hàng tháng, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh

Các thủ tục hành chính giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý kinh phí hỗ trợ đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. Thủ tục hành chính này không chồng chéo, không trùng lặp với các thủ tục hành chính khác, đồng thời phù hợp với thẩm quyền ban hành của hội

đồng nhân dân cấp tỉnh và cũng là giải pháp tối ưu để đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước và đồng bộ, thống nhất trong triển khai thực hiện.

### **5. Lựa chọn giải pháp**

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết tổ chức triển khai thực hiện.

### **III. PHỤ LỤC**

Biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**